

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 284/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt
Nam số 19/2008/QH12, số 72/2014/QH13, số 52/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc
phòng số 98/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14,
số 88/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của
Thanh tra quốc phòng.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân (sau đây gọi là Thanh tra quốc phòng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng; cơ quan thanh tra và Thủ trưởng cơ quan thanh tra quốc phòng; Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên đoàn thanh tra; đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan đến hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quốc phòng của Việt Nam.

Điều 3. Chức năng của Thanh tra quốc phòng

Thanh tra quốc phòng có chức năng giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra quốc phòng

1. Hoạt động của Thanh tra quốc phòng thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, quy định tại nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Tuân theo pháp luật; điều lệnh, điều lệ, các quy định của Quân đội; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; bảo vệ bí mật nhà nước.
3. Không được chồng chéo, trùng lặp phạm vi, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thanh tra, giữa cơ quan thanh tra với cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Bộ Quốc phòng; không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi thực hiện thanh tra.
4. Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG

Điều 5. Tổ chức Thanh tra quốc phòng

1. Cơ quan thanh tra quốc phòng, bao gồm:
 - a) Thanh tra Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);
 - b) Thanh tra quốc phòng Quân khu; Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi là Thanh tra Quân khu).
2. Tổ chức, biên chế, trang bị của Thanh tra quốc phòng các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.
3. Cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp có con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bộ

Thanh tra Bộ là cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện thanh tra đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; thanh tra đối với cơ

quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng của Bộ Quốc phòng; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Trong quản lý nhà nước về thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu, xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành và hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện quy định về tổ chức, hoạt động của Thanh tra quốc phòng;

b) Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, trình Bộ trưởng cho ý kiến về chủ trương, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

c) Chỉ đạo công tác, hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ thanh tra quốc phòng các cấp; hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

d) Yêu cầu các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi là Quân khu) tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra;

đ) Thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, thông tin, báo cáo, nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu nghiệp vụ về công tác thanh tra quốc phòng.

2. Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; thanh tra đối với các doanh nghiệp trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập, doanh nghiệp Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập nhưng giao cho Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý;

c) Thanh tra đối với vụ việc thuộc thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật; thanh tra các vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao; thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Quân khu nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật qua xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của các kết luận thanh tra do Chánh thanh tra Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi là Chánh Thanh tra Quân khu) ban hành và quyết định xử lý sau thanh tra của Tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi chung là Tư lệnh Quân khu) khi cần thiết;

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

e) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của quyết định xử lý sau thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với vụ việc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng khi cần thiết.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Chánh Thanh tra Bộ có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; lãnh đạo Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 7 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, thời gian thanh tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Chánh Thanh tra Bộ có quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;

c) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chánh Thanh tra Quân khu kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp;

d) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

đ) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thanh tra, kiểm tra trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đình chỉ theo thẩm quyền việc thi hành quyết định trái pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng được phát hiện qua thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; giải quyết vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra;

g) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

h) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

i) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

k) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 9. Vị trí, chức năng của Thanh tra Quân khu

Thanh tra Quân khu là cơ quan trực thuộc Quân khu, giúp Tư lệnh Quân khu quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện thanh tra đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Tư lệnh Quân khu và thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn quản lý; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Quân khu

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, báo cáo Thanh tra Bộ Quốc phòng xem xét, cho ý kiến trước khi trình Tư lệnh Quân khu cho ý kiến về chủ trương; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Quân khu; thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Quân khu.

3. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh Quân khu giao.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Quân khu và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh Quân khu. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của quân khu.

5. Thực hiện sơ kết, tổng kết, tham gia biên soạn tài liệu nghiệp vụ ngành Thanh tra quốc phòng.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Quân khu

1. Chánh Thanh tra Quân khu có nhiệm vụ sau đây:

Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân khu; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Quân khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chánh Thanh tra Quân khu có quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Quân khu về quyết định của mình;

c) Kiến nghị Tư lệnh Quân khu đình chỉ việc thi hành quyết định có nội dung trái pháp luật được phát hiện qua thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của quân khu;

d) Kiến nghị với Tư lệnh Quân khu giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ;

đ) Kiến nghị với Tư lệnh Quân khu xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Quân khu có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

e) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

g) Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định đình chỉ việc thi hành kỷ luật, điều chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc Quân khu đối với người đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thực hiện thanh tra;

h) Báo cáo Tư lệnh Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

i) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Quân khu trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

k) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Mối quan hệ của Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu sự lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền; sự quản lý, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Quân khu chịu sự lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền; sự quản lý, chỉ huy của Tư lệnh Quân khu, sự chỉ đạo nghiệp vụ của Thanh tra Bộ Quốc phòng.

3. Quan hệ giữa Thanh tra Bộ Quốc phòng với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng là quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

4. Quan hệ giữa Thanh tra Bộ Quốc phòng với các cơ quan thanh tra Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước, Ban Cơ yếu Chính phủ; Thanh tra các tỉnh, thành phố là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Chương III THANH TRA VIÊN QUỐC PHÒNG

Điều 13. Thanh tra viên quốc phòng

1. Thanh tra viên quốc phòng là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được bổ nhiệm vào các ngạch Thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của thủ trưởng cơ quan thanh tra.

2. Thanh tra viên quốc phòng phải có đủ tiêu chuẩn theo Điều 12 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và khoản 2 Điều 8 Luật Thanh tra.

3. Thanh tra viên quốc phòng sử dụng trang phục theo quy định của Quân đội nhân dân Việt Nam; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Các ngạch Thanh tra viên quốc phòng

- a) Thanh tra viên;
- b) Thanh tra viên chính;
- c) Thanh tra viên cao cấp.

Điều 14. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch thanh tra

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch thanh tra viên theo đề nghị của Hội đồng xét duyệt chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ cấp Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên

1. Là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác.
3. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
4. Có ít nhất 02 năm làm việc tại cơ quan thanh tra hoặc có ít nhất 05 năm công tác trở lên đối với sĩ quan Quân đội nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển sang cơ quan thanh tra.

Điều 16. Tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên chính

1. Là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác.
3. Tốt nghiệp đào tạo cán bộ cấp trung, lữ đoàn tại các học viện chuyên ngành quân sự, quốc phòng phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác hoặc tốt nghiệp sau đại học.
4. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên chính và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
5. Đã được bổ nhiệm ngạch thanh tra viên ít nhất 04 năm hoặc đã qua chỉ huy cấp trung đoàn (hoặc tương đương) hoặc sĩ quan đang giữ ngạch tương đương ngạch thanh tra viên chính chuyển sang cơ quan thanh tra và phải có thời gian công tác tại cơ quan thanh tra tối thiểu là 01 năm.

Điều 17. Tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên cao cấp

1. Là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác.
3. Tốt nghiệp đào tạo tham mưu tác chiến chiến dịch - chiến lược tại Học viện Quốc phòng.
4. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên cao cấp và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
5. Có trình độ cao cấp lý luận chính trị.

6. Đã được bổ nhiệm thanh tra viên chính ít nhất 04 năm hoặc đã qua chỉ huy cấp sư đoàn (hoặc tương đương) hoặc sĩ quan đang giữ ngạch tương đương ngạch thanh tra viên cao cấp chuyển sang cơ quan thanh tra và phải có thời gian công tác tại cơ quan thanh tra tối thiểu là 01 năm.

Điều 18. Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý người làm công tác thanh tra quốc phòng

Việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý người làm công tác thanh tra quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Chương IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG

Điều 19. Đối tượng thanh tra của Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quân sự, quốc phòng; thực hiện nhiệm vụ và các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, các quy định quản lý trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến pháp luật về quân sự, quốc phòng của Việt Nam.

Điều 20. Xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra năm

1. Việc xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra phải căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên và yêu cầu công tác quản lý của Bộ Quốc phòng, yêu cầu nhiệm vụ và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của cấp mình.
2. Chậm nhất là ngày 30 tháng 10 hằng năm, căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ hướng dẫn Thanh tra Quân khu xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan, đơn vị mình.
3. Chậm nhất là ngày 20 tháng 11 hằng năm, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, cho ý kiến đối với kế hoạch thanh tra.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hằng năm, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch thanh tra; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho ý kiến.

Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ Quốc phòng được gửi ngay đến Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Chính phủ, cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan và thông báo đến đối tượng thanh tra.

4. Chậm nhất là ngày 05 tháng 12 hằng năm, Chánh Thanh tra Quân khu trình Tư lệnh Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng xem xét, cho ý kiến đối với kế hoạch thanh tra.

Chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hằng năm, Tư lệnh Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch thanh tra; Chánh Thanh tra Quân khu ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Tư lệnh Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng cho ý kiến.

Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Quân khu được gửi ngay đến Thanh tra Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Quân khu, Kiểm toán Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức có liên quan và thông báo đến đối tượng thanh tra.

Điều 21. Thanh tra lại và xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra quốc phòng

1. Khi có căn cứ theo quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Quân khu. Trình tự, thủ tục thanh tra lại thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra quốc phòng thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 22. Bảo đảm cho hoạt động thanh tra

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động thanh tra quốc phòng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Quốc phòng và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2. Việc bảo đảm vật chất, phương tiện phục vụ cho tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng các cấp do người chỉ huy cùng cấp chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 11 năm 2025.

2. Nghị định số 33/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình